

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BTNMT-KHTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

V/v phân công triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, Bộ Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Biểu phân công thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 đối với lĩnh vực tài nguyên và môi trường (Biểu phân công tại phụ lục kèm theo).

Đề nghị các đơn vị hàng năm có báo cáo gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định để tổng hợp, báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC, PH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Công Thành

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2030

(Kèm theo Công văn số /BTNMT-KHTC ngày tháng năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên ¹ ; Nhóm chủ đề ²)	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính ³	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
1	Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn kết với các mục tiêu tăng trưởng xanh					
1.1	Hoàn thiện đồng bộ khung cơ chế, chính sách, pháp luật thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh; tích hợp tăng trưởng xanh vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ theo hướng tăng cường tính liên ngành, liên vùng, thúc đẩy các ngành xanh, giảm phát thải khí nhà kính và các chất gây ô nhiễm, sử dụng hiệu quả tài nguyên, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, đa thiên tai, chú trọng các vùng dễ bị tổn thương.					
1.1.2	Hướng dẫn, triển khai xây dựng các văn bản cụ thể hóa định hướng thực hiện tăng trưởng xanh các cấp (Cao; Nhóm A):				I, II	
	Tích hợp tăng trưởng xanh vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ phù hợp với tình hình thực tiễn. Cập nhật tích hợp tăng trưởng xanh hướng đến	2023 - 2030	Các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ TNMT	Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.		Các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ đã tích hợp tăng trưởng xanh và hướng đến mục tiêu PTR0 vào năm 2050.

	mục tiêu PTR0 vào năm 2050 cho giai đoạn mới.					
1.1.3	Hướng dẫn, triển khai, cập nhật đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp quốc gia.		Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ, ngành, địa phương liên quan		- Đề án, nghiên cứu, văn bản hướng dẫn. - Các kịch bản và hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai cấp quốc gia.
1.1.3	- Đánh giá, cung cấp cơ sở dữ liệu cấp bộ, ngành, địa phương về tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất, thiệt hại để đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu, thiên tai, đa thiên tai cấp quốc gia. Tích hợp kết quả đánh giá vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các kế hoạch liên quan đến huy động nguồn lực và phân bổ ngân sách các cấp, các ngành theo thẩm quyền.		Các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ TNMT	Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.		- Cơ sở dữ liệu tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia" về tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất, thiệt hại của biến đổi khí hậu, thiên tai, đa thiên tai của các ngành và địa phương, bao gồm các nghiên cứu, đề án, kịch bản, hệ thống các bản đồ rủi ro thiên tai, rủi ro khí hậu (bao gồm CS-MAP). - Các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch liên quan đến huy động nguồn lực và phân bổ ngân sách đã tích hợp kết quả đánh giá tác động.
1.1.5	Xây dựng, hướng dẫn, triển khai, cập nhật thường xuyên hệ thống	2022 - 2030	Các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.	I, II	Hệ thống và hướng dẫn của ngành tích hợp đồng bộ với hệ thống quốc gia.

	tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại xanh quốc gia và các ngành, lĩnh vực cho các hoạt động kinh tế, chương trình, dự án, sản phẩm, dịch vụ, công nghệ và ngành nghề (Cao; Nhóm A, C):					
1.2	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và mức độ xanh hóa của nền kinh tế.					
1.2.2	Xây dựng, hướng dẫn, triển khai cơ chế giám sát, đánh giá, báo cáo thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh (Cao; Nhóm A):	2022 - 2030				
	- Giám sát, đánh giá theo ngành, lĩnh vực		Các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	I, II	Văn bản quy định về hệ thống, cơ chế giám sát, đánh giá của các ngành.
	- Báo cáo thường niên, sơ kết giữa kỳ vào năm 2025, tổng kết thực hiện vào năm 2030 theo ngành, lĩnh vực, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.		Vụ Kế hoạch – Tài chính	Các đơn vị trực thuộc Bộ	I, II	Báo cáo định kỳ của Bộ TN&MT
1.2.3	Xây dựng, hướng dẫn, triển khai hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV),	2022 - 2030			I, II	- Văn bản pháp luật quy định về hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV). - Kết quả kiểm kê

	<p>thực hiện kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về kiểm kê khí nhà kính và phát thải các chất ô nhiễm không khí các cấp theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật, đảm bảo tích hợp đồng bộ với hệ thống giám sát và đánh giá tăng trưởng xanh cấp quốc gia (Cao; Nhóm A):</p> <p>Đối với hệ thống MRV và tổ chức kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về khí nhà kính cấp quốc gia</p> <p>Đối với hệ thống MRV và tổ chức kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về phát thải các chất ô nhiễm không khí cấp quốc gia.</p> <p>- Đối với hệ thống MRV và thực hiện kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu khí nhà kính lĩnh vực quản lý chất thải.</p>				<p>khí nhà kính và phát thải các chất ô nhiễm không khí các cấp, các ngành.</p> <p>- Cơ sở dữ liệu về kiểm kê khí nhà kính và phát thải các chất ô nhiễm không khí các cấp, các ngành được tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia".</p>
			Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị trực thuộc Bộ	
			Tổng cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ	
			Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị trực thuộc Bộ	
1.2.4	Xây dựng, quản lý, vận hành, ứng dụng chuyên đổi số đối với hệ thống	2022 - 2030			I, II; IV
					- Các cơ sở dữ liệu: (1) tăng trưởng xanh quốc gia; (2) nền địa lý quốc gia; (3) tăng

	<p>giám sát, đánh giá, cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh các cấp trên cơ sở sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, đảm bảo tính đồng bộ, liên kết giữa hệ thống các cấp. Xây dựng và vận hành cổng thông tin về tăng trưởng xanh quốc gia (Nhóm A, D):</p> <p>- Đối với hệ thống cấp ngành, địa phương.</p>					<p>trưởng xanh các ngành, địa phương trên cơ sở sử dụng dữ liệu nền địa lý quốc gia và tích hợp đồng bộ với cơ sở dữ liệu cấp quốc gia.</p> <p>- Hệ thống quản lý, giám sát đánh giá tăng trưởng xanh các ngành, các cấp được số hóa.</p> <p>- Cổng thông tin về tăng trưởng xanh quốc gia.</p>
			Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ; Sở TNMT các địa phương; các Bộ ngành có liên quan.		
2	Truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức					
2.2	Truyền thông về các chuẩn mực, giá trị văn hóa sống xanh, lối sống xanh trong ngành giáo dục, cộng đồng dân cư và các đơn vị cơ quan, doanh nghiệp.					
2.2.2	<p>Tích hợp truyền thông về vai trò, ý nghĩa tăng trưởng xanh; phổ biến những quy định, chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh và trách nhiệm của xã hội; khuyến khích những hành động thiết thực về lối sống, tiêu dùng xanh hài hòa với thiên nhiên gắn với các giá trị văn hóa</p>	2022 - 2030	Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ	I, II; IV	<p>Kế hoạch truyền thông của Bộ tích hợp vào chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Chương trình Mỗi xã một sản phẩm.</p>

	truyền thông, chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai trong các chương trình mục tiêu quốc gia cùng các kênh truyền thông của các cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương (Nhóm B).					
3.2.4	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị điều hành về tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số (Cao; Nhóm B, E):	2022 - 2030	Trường Đào tạo cán bộ tài nguyên và môi trường	Vụ Tổ chức cán bộ và Các đơn vị trực thuộc Bộ	I, II, III, IV	Các chương trình đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức.
4	Huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh.					
4.2.2	Hoàn thiện chính sách quản lý và ưu tiên sử dụng nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ về tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh (Cao; Nhóm A, C):	2022 - 2030			I, II	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư công theo hướng ưu tiên nguồn vốn ngân sách nhà nước cho tăng trưởng xanh. - Các kế hoạch đầu tư công và dự toán chi ngân sách nhà nước các cấp theo hướng ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho tăng trưởng xanh.
	- Kế hoạch đầu tư công và dự toán chi ngân sách của Bộ.		Vụ Kế hoạch – Tài chính	Các đơn vị trực thuộc Bộ		
4.2.7	Phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam					

	(Cao; Nhóm A, C):					
	- Xây dựng cơ chế và cách thức vận hành thị trường các-bon, quy định kết nối sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới.	2022 - 2025	Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị trực thuộc Bộ	I, II	Văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế và cách thức vận hành thị trường các-bon.
5	Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo					
5.1	Đẩy mạnh tăng trưởng xanh dựa trên đầu tư cho khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.					
5.1.4	Nghiên cứu, thí điểm, nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo cùng các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch phục vụ tăng trưởng xanh (phát triển phát thải thấp; nâng cao năng lực chống chịu; phòng chống thiên tai; công nghệ thu hồi, tận dụng và lưu trữ các bon CCUS...) (Cao; Nhóm D).	2022 - 2030	Vụ Khoa học và Công nghệ.	Các đơn vị trực thuộc Bộ	I, II, III, IV	Chương trình, đề án, các mô hình, hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), đầu tư cho công nghệ mới, sạch, tiên tiến, thúc đẩy xanh.
5.2	Đẩy mạnh tăng trưởng xanh dựa trên chuyển đổi số.					

5.2.2	<p>Ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý, quản trị, vận hành các nhiệm vụ, hoạt động tăng trưởng xanh. Hoàn thiện, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử các cấp (Cao; Nhóm D).</p>	2022-2030	Cục Công nghệ thông tin và Cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường.	Các đơn vị trực thuộc Bộ.	I, II, III, IV	Chương trình, đề án, hoạt động về ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin vào công tác quản trị, điều hành các hoạt động tăng trưởng xanh.
6	Hội nhập và hợp tác quốc tế					
6.2	<p>Tích cực tham gia, tổ chức hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, phối hợp nghiên cứu chuyên gia công nghệ thực hiện tăng trưởng xanh; nghiên cứu, đề xuất với các đối tác phát triển về các dự án hỗ trợ kỹ thuật cho tăng trưởng xanh; hỗ trợ kết nối các địa phương và doanh nghiệp Việt Nam với các nhà đầu tư nước ngoài; chủ động phối hợp và tham gia cùng cộng đồng quốc tế giải quyết các vấn đề toàn cầu và khu vực cũng</p>	2022-2030	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị trực thuộc Bộ		<p>Các Thỏa thuận Hợp tác, hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, hợp tác với quốc tế theo ngành, lĩnh vực và các cấp theo thẩm quyền.</p>

	như các thách thức đối với thực hiện tăng trưởng xanh (Nhóm A).					
6.3	<p>Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn, các tổ chức quốc tế trong bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước xuyên biên giới</p> <p>(Nhóm A):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ động tham gia các diễn đàn, khuôn khổ hợp tác khu vực, quốc tế; tích cực tham gia các hiệp ước, điều ước quốc tế có liên quan đến tài nguyên nước xuyên biên giới trên cơ sở hợp tác, phối hợp, công bằng, hợp lý, bảo đảm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia. - Xây dựng, thúc đẩy cơ chế chia sẻ thông tin, số liệu trong vận hành điều tiết nguồn nước, các công trình phía thượng nguồn sông Hồng, sông Mê Công; cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột 	2022 - 2030	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị trực thuộc Bộ	I, II	Thỏa thuận Hợp tác, các hoạt động hợp tác với các nước trong khu vực.

	tài nguyên nước xuyên biên giới theo các quy định của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho các mục đích phi giao thông thủy và thông lệ quốc tế có liên quan khác.					
10	Giao thông vận tải và dịch vụ logistics: - Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các hệ thống, mạng lưới giao thông, phương tiện trên cơ sở tiết kiệm năng lượng, có hiệu quả kinh tế, môi trường cao, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. - Phát triển giao thông công cộng, tăng tính hấp dẫn, cạnh tranh và thân thiện môi trường, tiết kiệm thời gian đi lại; ưu tiên phát triển hệ thống vận tải công cộng đô thị với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế trong đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện, khai thác vận tải hành khách công cộng. - Đẩy mạnh chuyển đổi phương thức hàng hóa vận tải, thúc đẩy hoạt động logistics theo hướng xanh. - Nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển dịch vụ logistics theo hướng xanh.					
10.4	Hoàn thiện và triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý chất lượng nhiên liệu, hệ thống tiêu chuẩn khí thải.					
10.4.1	Tiêu chuẩn khí thải trong giao thông vận tải (Cao, Nhóm A):	2022 - 2030	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ	I, II	Tiêu chuẩn khí thải đối với Tiêu chuẩn khí thải trong giao thông vận tải
13	Quản lý chất thải: Tăng cường công tác quản lý chất thải thông qua việc nghiên cứu và phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn, công nghệ xử lý chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn, chuyển hóa chất thải thành tài nguyên, nguyên liệu sản xuất; thúc đẩy việc áp dụng các biện pháp phân loại chất thải rắn tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn.					
13.1	Tăng cường quản lý và phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn theo hướng kinh tế tuần hoàn, tăng cường các giải pháp ngăn ngừa và phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn.					
13.1.1	Hoàn thiện cơ chế chính sách, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về quản lý	2022 - 2025	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT; các Bộ, ngành, địa phương liên	I, II	

<p>tổng hợp chất thải rắn áp dụng nguyên tắc kinh tế tuần hoàn (Cao; Nhóm A):</p>			quan		
<p>- Cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ thực hiện các giải pháp giảm thiểu phát sinh chất thải từ sản xuất đến tiêu dùng, quản lý tổng hợp chất thải rắn theo cơ chế thị trường nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu phát sinh chất thải rắn.</p>					<p>- Văn bản quy định chính sách khuyến khích các giải pháp giảm thiểu phát sinh chất thải từ khâu sản xuất đến tiêu dùng. - Thông tư, văn bản hướng dẫn thu phí dịch vụ thu gom, xử lý theo khối lượng chất thải rắn phát sinh.</p>
<p>- Cơ chế chính sách về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa.</p>					<p>Văn bản quy định cơ chế, chính sách giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa.</p>
<p>- Cơ chế chính sách tăng cường xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Ban hành các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về công tác thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.</p>		<p>Tổng cục Môi trường</p>			<p>- Văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế chính sách tăng cường xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. - Hướng dẫn kỹ thuật về công tác thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.</p>

	- Các định mức kinh tế kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; các quy định hướng dẫn về phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt					Thông tư về định mức kinh tế kỹ thuật và hướng dẫn về định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.
13.1.2	Chuyển đổi số trong công tác quản lý chất thải rắn, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu ở cấp trung ương và địa phương về các loại chất thải rắn, đảm bảo tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia" (Cao; Nhóm A, D).	2022-2030	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ; Các Bộ ngành, địa phương có liên quan	I, II	Hệ thống cơ sở dữ liệu ở cấp trung ương và địa phương đối với các loại chất thải rắn.
13.1.3	Thực hiện chính sách ưu đãi, các chương trình, dự án quản lý chất thải, tập trung vào giảm thiểu, thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương với sự tham gia của các bên liên quan và người dân (Cao; Nhóm A, B, C, E):	2022-2030				

	<p>- Thực hiện các chương trình, dự án tăng cường năng lực quy hoạch quản lý, xử lý chất thải rắn và tích hợp các nội dung quản lý tổng hợp chất thải rắn trong quy hoạch của các địa phương.</p> <p>- Thí điểm, nhân rộng các chương trình, dự án giảm thiểu, thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương.</p>		Tổng cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ; Các Bộ ngành, địa phương có liên quan	I, II, III	<p>- Các chương trình nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức.</p> <p>- Các chương trình, dự án thí điểm và nhân rộng.</p>
14	Quản lý chất lượng không khí: Ngăn ngừa và giảm thiểu phát sinh các chất ô nhiễm không khí đối với các ngành, lĩnh vực và tăng cường hiệu quả công tác quản lý chất lượng không khí.					
14.1	Tăng cường công tác quản lý chất lượng không khí; nâng cao năng lực, mở rộng mạng lưới, hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng không khí xung quanh, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục; hoàn thiện, đồng bộ các hệ thống cơ sở dữ liệu về chất lượng không khí xung quanh ở cấp quốc gia và địa phương, hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn thải giữa các địa phương.					
14.1.1	Triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng không khí; cơ chế phối hợp, biện pháp quản lý chất lượng môi trường không khí liên vùng, liên tỉnh (Cao; Nhóm A, E):	2022 - 2025	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ ngành và địa phương liên quan	I, II	<p>- Kế hoạch quản lý chất lượng không khí ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Văn bản hướng dẫn cơ chế phối hợp, biện pháp quản lý chất lượng môi trường không khí</p>

	- Điều phối triển khai cấp quốc gia; xây dựng cơ chế phối hợp, biện pháp liên vùng, liên tỉnh.					liên vùng, liên tỉnh.
14.1.2	Hoàn thiện, hiện đại hóa, mở rộng mạng lưới, hệ thống quan trắc chất lượng môi trường không khí và khí thải. Xây dựng cơ sở dữ liệu về chất lượng không khí xung quanh (Cao; Nhóm A, C, D):	2022 - 2025	Tổng cục Môi trường	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; cộng đồng doanh nghiệp.	I, II	
	- Đầu tư nâng cấp, lắp đặt, vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và ưu tiên thực hiện đối với các nguồn khí thải lớn của các ngành công nghiệp, năng lượng; hoàn thiện hệ thống truyền số liệu quan trắc khí thải tự động, liên tục từ các cơ sở sản xuất về cơ quan có thẩm quyền tại địa phương và Trung ương. Xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát thực hiện và	2022 - 2025	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ ngành và địa phương liên quan	I, II, III	Dự án đầu tư nâng cấp, hoàn thiện, vận hành (1) thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục; (2) hệ thống truyền số liệu quan trắc khí thải tự động liên tục. - Cơ chế giám sát thực hiện, công bố thông tin.

<p>công bố công khai thông tin phát thải chất ô nhiễm đối với các nguồn thải lớn của các ngành công nghiệp, năng lượng.</p>					
<p>- Mạng lưới, hệ thống quan trắc môi trường nền và quan trắc tác động môi trường không khí xung quanh tự động, liên tục phục vụ công tác cảnh báo chất lượng không khí và tác động sức khỏe do ô nhiễm không khí, giám sát ô nhiễm không khí xuyên biên giới; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ quan trắc chất lượng không khí sử dụng cảm biến để mở rộng mạng lưới quan trắc không khí.</p> <p>- Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về chất lượng không khí xung quanh ở cấp quốc gia và địa phương, tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia".</p>	<p>2022-2030</p>	<p>Tổng cục Môi trường</p>	<p>Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ ngành và địa phương liên quan</p>	<p>I, II; IV</p>	<p>- Dự án đầu tư hiện đại hóa và mở rộng mạng lưới, hệ thống quan trắc chất lượng môi trường không khí.</p> <p>- Hệ thống cơ sở dữ liệu chất lượng không khí xung quanh các cấp.</p>

15	<p>Quản lý tài nguyên nước, tài nguyên đất đai, đa dạng sinh học; phát triển kinh tế biển xanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm giàu thêm nguồn vốn tự nhiên. - Tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước, tài nguyên đất đai và đa dạng sinh học thông qua đảm bảo an ninh tài nguyên nước, bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước quốc gia, thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên đất và bảo vệ môi trường đất, khắc phục tình trạng suy thoái đất và hoang mạc hóa; tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học. - Phát triển, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, thủy điện liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng các ngành, lĩnh vực; đảm bảo an toàn đập và hồ chứa nước, tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, chống chịu và thích ứng phó với biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. - Nghiên cứu, thúc đẩy kinh tế biển xanh. 					
15.1	Hoàn thiện chính sách và cơ chế quản lý về sử dụng nước tiết kiệm, tuần hoàn nước, đảm bảo an ninh tài nguyên nước và bình đẳng giữa các đối tượng sử dụng nước					
15.1.1	Hoàn thiện chính sách và cơ chế quản lý nhu cầu nước, áp dụng kinh tế tuần hoàn vào quản lý việc khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, xã hội hóa, hoàn thiện cơ chế phối hợp, tăng cường phân cấp, huy động nguồn lực, đảm bảo an ninh tài nguyên nước quốc gia (Cao; Nhóm A, C, E).	2022 - 2030	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị trực thuộc Bộ; Các Bộ ngành, địa phương có liên quan	I,II	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết/ Văn bản quy phạm pháp luật về tăng cường quản lý nhu cầu sử dụng nước và tuần hoàn nước. - Bộ tiêu chí đánh giá đảm bảo an ninh tài nguyên nước quốc gia liên kết, đồng bộ với Bộ chỉ tiêu tăng trưởng xanh quốc gia.
15.1.3	Hoàn thiện chính sách và cơ chế điều phối, giám sát các hoạt động khai thác, kiểm soát hoạt động xả thải vào nguồn nước,	2022-2030	Cục Quản lý tài nguyên nước	Tổng cục Môi trường; các đơn vị trực thuộc Bộ; Các Bộ ngành, địa phương có liên quan	I, II	Văn bản quy phạm pháp luật về giám sát, kiểm soát các hoạt động khai thác nước và xả thải vào nguồn nước

	bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống tác hại do nước gây ra và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến an ninh tài nguyên nước quốc gia (Cao; Nhóm A).					
15.3	Đẩy nhanh chuyển đổi số, xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và cơ sở dữ liệu về quản lý tài nguyên nước. Xây dựng hệ thống hiện đại hỗ trợ quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thủy lợi, thủy điện hiệu quả và an toàn.					
15.3.1	Xây dựng, phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, cung cấp cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia để tạo dữ liệu khung xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ triển khai tăng trưởng xanh (Cao; Nhóm A, D).	2022 - 2030	Cục Đo đạc bản đồ và Thông tin địa lý quốc gia	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ ngành địa phương liên quan.	I,II	- Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia.
15.3.1	Hoàn chỉnh, duy trì hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu (1) tài nguyên nước quốc gia, địa phương, (2) quy hoạch tài nguyên nước quốc gia và quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, (3) khai thác, sử dụng nước của các Bộ, ngành, địa phương; cơ chế chia sẻ	2022-2030	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ ngành địa phương liên quan.	I, II	- Các cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước (trữ lượng nước, khai thác, sử dụng nước) tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia". - Đề án/ dự án/ chương trình nghiên cứu, hoạt động triển khai quản trị tài nguyên nước quốc gia.

	thông tin, dữ liệu, quản trị dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (Cao; Nhóm A, D).					
15.4	Thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên đất; khắc phục tình trạng suy thoái đất và hoang mạc hóa; xử lý, phục hồi ô nhiễm hóa chất tồn lưu trong đất					
15.4.1	Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai, đảm bảo phân bổ hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực đất đai cho các ngành, lĩnh vực và các địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu (Cao; Nhóm A).	2022 - 2030	Tổng cục Quản lý đất đai	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ ngành địa phương liên quan.	I,II	Các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về quản lý, sử dụng đất.
15.4.2	Tiếp tục điều tra, đánh giá, lập danh mục các khu vực đất ô nhiễm theo quy định; xây dựng, triển khai kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi các khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng do tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật	2022 - 2025	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ ngành địa phương liên quan.	I, II	- Danh mục các khu vực đất ô nhiễm. - Kế hoạch, hoạt động triển khai xử lý, cải tạo phục hồi các khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng.

	và các chất gây ô nhiễm khác (trừ đất an ninh, quốc phòng) (Cao; Nhóm A, D):					
15.5	Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học.					
15.5.1	Hoàn thiện chính sách, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học (Cao; Nhóm A).	2022-2030	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ ngành địa phương liên quan.	I, II	Quy hoạch Quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học.
15.5.2	Phục hồi và cải thiện chất lượng các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế; bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học (Nhóm A).	2022-2030	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ ngành địa phương liên quan.	I, II, III	Chương trình, dự án về (i) phục hồi và cải thiện chất lượng các hệ sinh thái tự nhiên và (ii) bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên.
15.6	Nghiên cứu và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu làm cơ sở xây dựng và triển khai các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế biển xanh.					
15.6.1	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu hỗ trợ dựng và triển khai các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế biển xanh (Nhóm A):	2022 - 2030	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ ngành địa phương liên quan.	I, II; IV	- Các hoạt động triển khai Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030. - Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và

	<p>- Tăng cường điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia".</p> <p>- Nghiên cứu, triển khai hạch toán tài sản lượng giá các giá trị của biển làm căn cứ xây dựng kế hoạch khai thác phục vụ phát triển kinh tế biển xanh (Cao).</p> <p>- Điều tra, đánh giá tổng thể và xếp hạng sức khỏe của hệ sinh thái biển, bao gồm các hệ sinh thái các-bon xanh.</p>					<p>môi trường biển.</p> <p>- Các đề án, hoạt động triển khai (1) xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia đến năm 2030; (2) hạch toán tài sản lượng giá các giá trị của biển; (3) điều tra, đánh giá tổng thể và xếp hạng sức khỏe của hệ sinh thái biển.</p>
15.6.2	<p>Hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển kinh tế biển xanh, bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái đa dạng sinh học ven biển và đại dương (Cao; Nhóm A, C):</p>					
	<p>- Sơ kết, tổng kết việc thi hành và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên, môi trường biển và</p>	2022 - 2025	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ ngành địa phương liên quan.	I, II, III, IV	<p>- Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.</p> <p>- Quy hoạch</p>

	<p>hải đảo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy hoạch không gian biển quốc gia. - Hoàn thiện chính sách bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái, đa dạng sinh học ven biển và đại dương. 					<p>không gian biển quốc gia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái, đa dạng sinh học ven biển và đại dương.
16	Tiêu dùng và mua sắm xanh, bền vững: Đẩy mạnh mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh và các chương trình dán nhãn để điều chỉnh hành vi tiêu dùng.					
16.1	Thúc đẩy các chương trình dán nhãn năng lượng, nhãn sinh thái, nhãn xanh; nghiên cứu, triển khai nhãn các-bon, dấu vết các-bon đối với các hàng hóa sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng xanh của thị trường trong nước và quốc tế.					
16.1.1	Thúc đẩy chương trình dán nhãn trong nước, công nhận lẫn nhau giữa các nước; nâng cao năng lực xây dựng, hoàn thiện quy trình dán nhãn đối với hàng hóa, sản phẩm (Cao; Nhóm A, D):					
	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với nhãn xanh/sinh thái. Tham gia mạng lưới Nhãn sinh thái toàn cầu (GEN), thúc đẩy công nhận lẫn nhau giữa các nước. 	2022-2030	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ ngành địa phương liên quan.	I, II, III, IV	<ul style="list-style-type: none"> - Các chương trình, hoạt động thúc đẩy dán nhãn; đề án nâng cao năng lực xây dựng, hoàn thiện quy trình đối với dán nhãn xanh/ sinh thái. - Trở thành thành viên của mạng lưới GEN. - Thỏa thuận chung giữa các nước công nhận

						nhân xanh/ sinh thái của Việt Nam.
16.2	Đẩy mạnh mua sắm công xanh, tích hợp các tiêu chí mua sắm xanh vào quá trình lựa chọn nhà thầu; tập trung đào tạo nghiệp vụ mua sắm công xanh; đổi mới hoạt động dịch vụ công theo hướng xanh.					
16.2.2	Triển khai mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh các cấp. Đào tạo nghiệp vụ mua sắm công xanh (Nhóm B, C):	2024-2030				I, II, III
	- Triển khai mua sắm xanh, dịch vụ công xanh đối với các cơ quan nhà nước.		Vụ Kế hoạch – Tài chính.	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Bộ ngành địa phương liên quan.		- Các đề án/dự án/chương trình nghiên cứu, hoạt động triển khai mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh ở các cấp. - Các chương trình nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn về mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh.

¹Chú thích “(Cao)” đối với nhiệm vụ, hoạt động cụ thể có mức độ ưu tiên cao.

²Nhiệm vụ, hoạt động được phân loại theo các chủ đề sau (có thể thuộc nhiều hơn 1 chủ đề): A. Hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; B. Nâng cao nhận thức, giáo dục, phát triển nhân lực; C. Huy động nguồn lực tài chính; D. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; E. Khía cạnh xã hội trong tăng trưởng xanh (tính bao trùm, bình đẳng, năng lực chống chịu của con người).

³Nhiệm vụ, hoạt động được đánh giá có thể tiếp cận các nguồn lực sau (có thể chọn nhiều hơn 1 nguồn lực): I. Ngân sách nhà nước; II. Hỗ trợ quốc tế; III. Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; IV. Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác./.